

Hãy cùng chúng tôi xem bài viết dưới đây về giải vở bài tập môn Sinh học lớp 7 Bài 2: Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật có lời giải chi tiết nhất. Mời các bạn tham khảo.

Giải VBT Sinh học lớp 7 Bài 2: Phân biệt động vật với thực vật trang 7

Giải trang 7 VBT Sinh học 7:

Đánh dấu (✓) vào các ô thích hợp ở bảng 1:

Trả lời:

Bảng 1. So sánh động vật với thực vật

| Đặc điểm cơ thể Đối tượng phân biệt | Cấu tạo từ tế bào | | Thành xenlulozo ở tế bào | | Lớn lên và sinh sản | | Chất hữu cơ nuôi cơ thể | | Khả năng di chuyển | | Hệ thần kinh và giác quan | |
|---|-------------------|----|--------------------------|----|---------------------|----|-------------------------|----------------------------|--------------------|----|---------------------------|----|
| | Không | Có | Không | Có | Không | Có | Tự tổng hợp được | Sử dụng chất hữu cơ có sẵn | Không | Có | Không | Có |
| Thực vật | | ✓ | | ✓ | | ✓ | ✓ | | ✓ | | ✓ | |
| Động vật | | ✓ | ✓ | | | ✓ | | ✓ | | ✓ | | ✓ |

Giải trang 7 VBT Sinh học 7:

Trả lời các câu hỏi sau:

Trả lời:

- Động vật giống thực vật ở các đặc điểm nào?

Động vật giống thực vật ở các đặc điểm đều được cấu tạo từ tế bào, đều lớn lên và sinh sản.

- Động vật khác thực vật ở các đặc điểm nào?

vật khác thực vật ở các đặc điểm: cấu tạo thành tế bào, hình thức dinh dưỡng, khả năng di chuyển, hệ thần kinh và giác quan.

Giải vở bài tập Sinh học 7 Bài 2: Đặc điểm chung của động vật trang 8

Giải trang 8 VBT Sinh học 7:

Chọn ba đặc điểm quan trọng nhất của động vật phân biệt với thực vật bằng cách đánh dấu (✓) vào ô trống:

Trả lời:

| | |
|---|---|
| - Có khả năng di chuyển | ✓ |
| - Tự dưỡng, tổng hợp các chất hữu cơ từ nước và CO ₂ | |
| - Có hệ thần kinh và giác quan | ✓ |
| - Dị dưỡng (dinh dưỡng nhờ chất hữu cơ có sẵn) | ✓ |
| - Không có khả năng tồn tại nếu thiếu ánh sáng mặt trời | |

Giải VBT Sinh học lớp 7 Bài 2: Sơ lược phân chia giới Động vật trang 8**Giải trang 8 VBT Sinh học 7:**

* Kể tên 3 động vật thuộc mỗi ngành Động vật không xương sống:

Trả lời:

- Ngành Động vật nguyên sinh: trùng roi, trùng giày, trùng biến hình.
- Ngành Ruột khoang: thủy tức, sứa, hải quỳ.
- Ngành Giun dẹp: sán lá gan, sán bã trầu, sán dây.
- Ngành Giun tròn: giun đũa, giun kim, giun móc.
- Ngành Giun đốt: giun đất, đĩa, rươi.
- Ngành Thân mềm: mực, trai, bạch tuộc.
- Ngành Chân khớp: tôm, châu chấu, nhện.

Giải trang 8 VBT Sinh học 7:

* Sắp xếp các động vật sau vào các lớp thuộc ngành Động vật có xương sống: cá chép, cá voi, cá ngựa, ếch đồng, ếch ương, cóc, cá cóc Tam Đảo, cá sấu, thằn lằn, rắn hổ mang, bò câu, chim sẻ, chuột, mèo, hổ, trâu, bò, công, gà, vịt.

Trả lời:

- Lớp Cá: cá chép, cá ngựa.
- Lớp Lưỡng cư: ếch đồng, ếch ương, cóc, cá cóc Tam Đảo.
- Lớp Bò sát: cá sấu, thằn lằn, rắn hổ mang.
- Lớp Chim: bò câu, chim sẻ, công, gà, vịt.
- Lớp Thú: chuột, mèo, hổ, trâu, bò, cá voi.

Giải vở bài tập Sinh học 7 Bài 2: Vai trò của động vật. trang 9

Giải trang 9 VBT Sinh học 7:

Liên hệ đến thực tế địa phương, điền tên các loài động vật mà bạn biết vào bảng 2.

Trả lời:

Bảng 2. Ý nghĩa của động vật đối với đời sống con người

| STT | Các mặt lợi, hại | Tên động vật đại diện |
|-----|--|----------------------------|
| 1 | Động vật cung cấp nguyên liệu cho con người: | |
| | - Thực phẩm | Lợn, gà, vịt, trâu, bò,... |
| | - Lông | Cừu |
| | - Da | Trâu |
| 2 | Động vật dùng làm thí nghiệm cho: | |
| | - Học tập, nghiên cứu khoa học | Thỏ, chuột |
| | - Thử nghiệm thuốc | Chuột |
| 3 | Động vật hỗ trợ cho người trong: | |
| | - Lao động | Trâu, bò, ngựa |
| | - Giải trí | Khỉ |
| | - Thể thao | Ngựa |
| | - Bảo vệ an ninh | Chó |
| 4 | Động vật truyền bệnh sang người | Chuột, gà, vịt, muỗi |

Giải VBT Sinh học lớp 7 Bài 2: Ghi nhớ

Động vật phân biệt với thực vật ở các đặc điểm chủ yếu sau: dị dưỡng, có khả năng di chuyển, có hệ thần kinh và các giác quan. Động vật được phân chia thành Động vật không xương sống và Động vật có xương sống. Động vật có vai trò quan trọng đối với đời sống con người.

Giải vở bài tập Sinh học 7 Bài 2: Câu hỏi trang 10**Câu 1 (trang 10 VBT Sinh học 7):**

Nêu đặc điểm chung của động vật.

Trả lời:

- Cấu tạo từ tế bào
- Sống dị dưỡng
- Có khả năng di chuyển
- Có hệ thần kinh và các giác quan

Câu 2 (trang 10 VBT Sinh học 7):

Kể các động vật gặp ở xung quanh nơi em ở và chỉ rõ nơi cư trú của chúng.

Trả lời:

- Dưới nước: cá, tôm, cua,...
- Trên cây: chim sẻ, cú, sâu, kiến,...
- Trong lòng đất: giun đất, dế mèn,...

Câu 3 (trang 10 VBT Sinh học 7):

* Nêu ý nghĩa của động vật với đời sống con người.

Trả lời:

Động vật có rất nhiều ý nghĩa đối với đời sống con người:

- Cung cấp nguyên liệu: thực phẩm, da, lông
- Dùng làm thí nghiệm
- Hỗ trợ con người trong lao động, công việc.